

Số: 06/2023/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 04 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ
THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 665/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022, giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Huỳnh Tiến D, sinh năm 1977.

Trú tại: 56 C1, phường Đ, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ liên lạc: Số 2 kiệt 72 C2, phường X, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Bị đơn:** Chị Trương Thị Quỳnh C, sinh năm: 1983.

Trú tại: 92 A, phường B, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Huỳnh Tiến D và chị Trương Thị Quỳnh C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau :

a. Về con chung: Anh Huỳnh Tiến D và chị Trương Thị Quỳnh C cùng công nhận có 02 con chung tên là Huỳnh Quốc Anh K, sinh ngày 06/10/2005 và cháu Huỳnh Quốc Gia B, sinh ngày 05/10/2011. Hiện 02 cháu đang sống cùng với chị C.

Nay ly hôn hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận về con chung như sau: Giao 02 cháu Huỳnh Quốc Anh K, sinh ngày 06/10/2005 và Huỳnh Quốc Gia B, sinh ngày 05/10/2011 cho chị Trương Thị Quỳnh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến trưởng thành. Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con một tháng 4.000.000đ/1 tháng cho 02 cháu, (cụ thể: Một cháu 2.000.000đồng/tháng x 2 cháu = 4.000.000 đồng/1 tháng) cho đến khi cháu K và cháu B trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành số tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được phép cản trở.

b. Về tài sản chung: Anh D và chị C cùng công nhận không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c. Về nợ chung: Anh D và chị C cùng công nhận vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Là 150.000 đồng. Anh Huỳnh Tiến D phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn và chị Trương Thị Quỳnh C phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng Anh D và chị C tự nguyện thỏa thuận Anh D chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Huỳnh Tiến D phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà anh Huỳnh Tiến D phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Anh D đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), căn cứ biên lai số 0004526 ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh D không phải nộp thêm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSNDTP H;
- THATP H;
- TAND Tỉnh TTHuế;
- UBND phường B, TP H đăng ký
kết hôn số:23/2009, ngày 18/3/2009;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Huệ